TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2022
V/v " Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Hương;
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Thanh Bình;

Bà Trần Vĩnh Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Ngọc M, sinh năm 1987;

Địa chỉ: khu vực 6, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ; Có mặt.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đặng Trọng T, Văn phòng Luật sư Thanh Liêm thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Bì Minh T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: khu vực 6, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ; Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ vào ngày 09/01/2008. Đến năm 2018 thì ông bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông bà không chia sẽ được với nhau những vấn đề trong cuộc sống. Bà M đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng bà không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, hiện tại đã không còn sống chung

khoảng 03 năm nay. Nay Bà M nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai con chung tên Bì Minh Tr (Nam), sinh ngày 23/8/2009 và Bì Ngọc Minh A (Nữ), sinh ngày 21/5/2018. Theo đơn xin ly hôn, Bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp cháu Tr muốn sống với ông T thì bà đồng ý giao cháu Tr cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, Bà M đồng ý giao cháu Tr cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 13/4/2022 ông T trình bày:

Năm 2008 ông và Bà M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Ông bà sống với nhau được hai con chung là Bì Minh Tr (Nam), sinh ngày 23/8/2009 và Bì Ngọc Minh A (Nữ), sinh ngày 21/5/2018. Trong suốt quá trình chung sống, ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng không thể hòa hợp. Hiện tại ông bà đã sống ly thân hơn 03 năm. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà M, ông T đồng ý.

Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bì Minh Tr, không yêu cầu Bà M cấp dưỡng nuôi con. Đồng ý giao cháu Bì Ngọc Minh A cho Bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

3.Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm bảo vệ:

Bà M và ông T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của ông bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn và cũng đã ly thân với nhau hơn 03 năm. Hiện tại ông bà không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nữa, ông T cũng thống nhất ly hôn với bà Minh. Mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Minh. Về con chung: Bà M có yêu cầu nuôi hai con chung, tuy nhiên cháu Tr có nguyện vọng sống với ông T nên Bà M đồng ý giao cháu Tr cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi cháu Minh Anh của

bà Minh. Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với ông T nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ: khu vực 6, phường B, quận T, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà M và ông T phát sinh từ việc bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẽ với nhau những vấn đề trong cuộc sống. Hai bên đều xác định ông bà không còn chung sống với nhau hơn 03 năm và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống gia đình. Ông T đã đồng ý ly hôn với Bà M và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, xét xử. Tại phiên tòa, Bà M cũng xác định không còn tình cảm với ông T nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Bà M yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Minh.

[2.2] Về con chung:

Ông bà có hai con chung tên Bì Minh Tr và Bì Ngọc Minh A. Hiện tại cháu Tr đang sống cùng với ông T, cháu A đang sống cùng bà Minh. Ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Triết, Bà M yêu cầu nuôi dưỡng cháu A. Xét nguyện vọng của cháu Tr thì cháu muốn được sống cùng với ông T. Phía Bà M cũng đồng ý

giao cháu Tr cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Về điều kiện nuôi con, ông bà có đủ điều kiện nuôi dưỡng các con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông bà, giao cháu Tr cho ông T, giao cháu A cho Bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông T, Bà M đều không có yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc M đối với ông Bì Minh T về yêu cầu ly hôn, nuôi con.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phan Thị Ngọc M ly hôn với ông Bì Minh T.

2.Về con chung:

Giao con Bì Minh Tr (Nam), sinh ngày 23/8/2009 cho ông Bì Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con Bì Ngọc Minh A (Nữ), sinh ngày 21/5/2018 cho bà Phan Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T và Bà M không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T, bà Minh, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000*(Ba trăm nghìn)* đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000*(Ba trăm nghìn)*đồng theo biên lai thu số 0002428 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn đã nộp xong án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lê Thị Thùy Hương

*Nơi nhận:
-Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
-Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
-UBND P.Bình Thủy, Q.Bình Thủy
(nơi đk kết hôn-GCNKH 04,2008);
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.